

DANH SÁCH

Học viên được công nhận kết quả thi và cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học
Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học Khóa 13, năm 2020 (20 tín chỉ)

(Kèm theo Quyết định số: 473 /QĐ-ĐHTDM, ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

STT	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	GD ĐH TG&VN	GDH ĐC	TLH ĐC	TLH ĐH ĐH	LL ĐH ĐH	PT CT&TC QT ĐT ĐH	Đánh giá trong GD ĐH	Sử dụng PTKT &CN trong DH ĐH	Kỹ năng dạy học ĐH	Nâng cao chất lượng tự học	TBC	XẾP LOẠI
						1	3	2	1	3	2	2	1	2	3		
1	Lê Thị Mỹ	Phương	28/8/1984	Bình Dương	Nữ	8	6	7	7	7	8	8	6	7	7	7.1	Khá
2	Lê Diễm	Quỳnh	8/10/1994	Bình Dương	Nữ	9	8	7.5	8	8	9	7.5	7	8	8	8	Giỏi
3	Nguyễn Dương Thanh	Thảo	21/8/1997	Bình Dương	Nữ	6	6	7	7	6	9.5	8.5	7	7	6.5	7	Khá
4	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	13/4/1980	Bình Dương	Nữ	8	5	7	7	6	6	7.5	7	7	7.5	6.6	Trung bình khá
5	Phạm Minh	Tín	20/12/1990	Bình Dương	Nam	9	5	6	7	8	6	8.5	5	6	7.5	6.8	Trung bình khá
6	Tô Huỳnh Anh	Tuấn	30/8/1991	Bình Dương	Nam	8	6	8	6	8	8	8	6	8	6.5	7.3	Khá
7	Phạm Thanh	Vân	17/6/1982	Sông Bé	Nữ	9	8	6	6	8	8	8	8	7	7.5	7.6	Khá
8	Phan Yến	Nhi	2/9/1990	Đồng Nai	Nữ	8	9	7	6	8	10	7.5	7	8	8	8.1	Giỏi
9	Phạm Bình	Long	31/12/1987	Bình Dương	Nam	9	7	7	7	9	7	8	8	7	7	7.6	Khá
10	Nguyễn Vũ Anh	Trâm	3/1/1989	Ninh Thuận	Nữ	7	8	8	8	8	5	7	8	8	7	7.4	Khá
11	Nguyễn Thị Kim	Oanh	10/5/1966	Quảng Ngãi	Nữ	9	9	8	8	8	7	8	9	8	7.5	8.1	Giỏi

Danh sách này có 11 học viên. Trong đó:

- Loại Giỏi có 3 học viên, chiếm 27,3% trên tổng số
- Loại Khá có 6 học viên, chiếm 54,5% trên tổng số
- Loại Trung bình khá có 2 học viên, chiếm 18,2% trên tổng số

DANH SÁCH

**Học viên được công nhận kết quả thi và cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học
Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học Khóa 13, năm 2020 (10 tín chỉ)**

(Kèm theo Quyết định số: 473 /QĐ-ĐHTDM, ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

STT	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	GD ĐH TG& VN	TLH ĐH ĐH	LL ĐH ĐH	PT CT&T C QT ĐT ĐH	Đánh giá trong GD ĐH	Sử dụng PTKT &CN trong ĐH ĐH	TBC	XẾP LOẠI
						1	1	3	2	2	1		
1	Nguyễn Thị Nhật	Hằng	30/12/1981	Bình Dương	Nữ	9	8	9	7	9	9	8.5	Giỏi
2	Tường Thị Thu	Hằng	25/7/1990	Hưng Yên	Nữ	9	7	9	7	8	8	8.1	Giỏi
3	Đỗ Trí	Nhật	2/9/1979	TP Hồ Chí Minh	Nam	8	7	8	7	8	8	7.7	Khá
4	Nguyễn Hồ	Quang	22/4/1982	Thừa Thiên Huế	Nam	8	7	8	7	8	9	7.8	Khá
5	Ngô Thanh	Đông	19/3/1984	Quảng Ngãi	Nam	7	6	8	9	7	9	7.8	Khá
6	Nhữ Thị Trúc	Linh	31/12/1981	Cà Mau	Nữ	9	8	7.3	6.5	8	9	7.7	Khá
7	Nguyễn Thanh	Tuyền	1/9/1986	Bình Định	Nam	8	6	8	6	7.5	7	7.2	Khá
8	Nguyễn Đức	Trọng	16/2/1977	Lâm Đồng	Nam	7	7	8	5	7.5	6	6.9	Trung bình khá

Danh sách này có 8 học viên.

Trong đó:

Loại Giỏi có 2 học viên, chiếm 25% trên tổng số

Loại Khá có 5 học viên, chiếm 62,5% trên tổng số

Loại Trung bình khá có 1 học viên, chiếm 12,5% trên tổng số